

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

TT	DIỄN GIẢI	DỰ TOÁN
A	PHẦN THU	10.353.036.870
I	THU THƯỜNG XUYÊN	1.836.725.953
1	Các khoản thu 100%	203.986.953
1.1	Thu HL công sản , & quỹ đất CD	87.115.000
2	Phí và lệ phí	17.634.553
2.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.000.000
2.2	Thuế môn bài hộ nhỏ	4.000.000
2.3	Lệ phí trước bạ nhà đất	12.862.120
2.4	Thuế thu nhập cá nhân	8.000.000
2.5	Thuế giá trị gia tăng	13.375.280
2.6	Thu điều tiết khác	45.000.000
2.7	Thuế môn bài hộ nhỏ	
2.8	Thu điều tiết từ ngân sách cấp trên	1.632.739.000
II	THU KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	8.516.310.917
1	Thu tiền đấu giá đất	6.000.000.000
2	Thu trợ cấp xây dựng lán xe trường Tiểu học	300.000.000
3	Số dư 6 tháng đầu năm 2022 chuyển	408.310.917
4	Thu trợ cấp cải tạo nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Trung học	1.808.000.000
B	PHẦN CHI	10.353.036.870
I	CHI THƯỜNG XUYÊN	2.035.382.000
1	Chi quản lý nhà nước	619.243.900
1,1	Chi lương+BHXH+BHYT+KPCĐ	397.988.000
1,2	Chi trả công hợp đồng	6.000.000
1,3	Chi văn phòng	32.440.000
1,4	Chi hội nghị	51.082.000
1,5	Chi mua sắm tu sửa	
1,6	Chi tiền điện thoại	2.944.000
1,7	Chi tiền điện sinh hoạt+tiền nước	29.154.000
1,8	Chi hỗ trợ công tác tiếp dân	5.000.000
1,9	Chi hỗ trợ kiểm tra văn bản pháp luật	5.000.000
1,10	Chi các hoạt động	63.913.600
1,11	Chi công tác phí	7.800.000
1,12	Chi lắp đặt phần mềm QLTS	400.000
1,13	Chi tiền báo chí	13.780.300
1,14	Chi khen thưởng	3.742.000
1,15	Chi cài đặt ISO	
1,16	Chi tu sửa nhỏ	
2	Chi hội đồng nhân dân	128.187.000
2,1	Chi lương+BHYT	47.007.000

2,2	Chi các hoạt động	35.180.000
2,3	Chi may trang phục+mua cặp đại biểu HĐND	46.000.000
3	Chi công tác Đảng	307.615.000
3,1	Chi lương+BHXH+BHYT+KPCĐ	207.772.000
3,2	các hoạt động	84.832.000
3,3	Chi biên soạn lịch sử Đảng	15.000.000
3,4	Chi đại hội chi bộ	11.000
3,5		
4	Chi công tác Mặt trận	106.505.500
4,1	Chi lương+BHXH+BHYT+KPCĐ	77.005.500
4,2	Chi hoạt động	24.500.000
4,3	Chi giám sát phản biện xã hội	5.000.000
5	Chi công tác hội CCB	45.944.000
5,1	Chi lương+BHXH+BHYT+KPCĐ	41.344.000
5,2	Chi các hoạt động + chi hội	4.600.000
5,3	Chi đại hội	
6	Chi công tác hội Nông Dân	52.586.000
6,1	Chi lương+BHXH+BHYT+KPCĐ	39.986.000
6,2	Chi các hoạt động+các chi hội	12.600.000
7	Chi công tác phụ nữ	61.500.000
7,1	Chi lương+BHXH+BHYT+KPCĐ	48.900.000
7,2	Chi các hoạt động+Các chi hội	12.600.000
8	Chi công tác đoàn thanh niên	77.970.000
8,1	Chi lương+BHXH+BHYT+KPCĐ	62.370.000
8,2	Chi các hoạt động	10.600.000
8,3	Chi hoạt động hè	5.000.000
8,4	Chi đại hội đoàn	
9	Chi công tác công đoàn	15.000.000
9,1	Chi các hoạt động	15.000.000
10	Chi công tác TN niên xung phong	7.364.000
10,1	Chi trả phụ cấp	5.364.000
10,2	Chi các hoạt động	2.000.000
11	Chi công tác hội người cao tuổi	4.914.000
11,1	Chi trả phụ cấp	4.914.000
11,2	Chi các hoạt động	
12	Chi công tác hội khuyến học	19.235.000
12,1	Chi trả phụ cấp	2.235.000
12,2	Chi các hoạt động	17.000.000
12	Chi công tác quân sự	236.733.600
12,1	Chi lương+BHXH+BHYT+KPCĐ	100.703.000
12,2	Chi các hoạt động	136.030.600
13	Chi công tác An ninh	79.911.000
13,1	Chi phụ cấp +BHYT	37.367.000
13,2	Chi các hoạt động	42.544.000
14	Chi sự nghiệp văn hoá	7.150.000
14,1	Chi các hoạt động	7.150.000
15	Chi sự nghiệp thể thao	-
15,1	các hoạt động	
16	Chi sự nghiệp thông tin	19.859.000

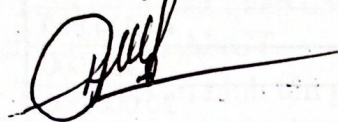
16,1	Chi trả phụ cấp	
16,2	Chi sửa chữa + hoạt động	13.759.000
17	Chi sự nghiệp thể thao	6.100.000
17,1	Chi sửa chữa + hoạt động	-
18	Chi sự nghiệp xã hội	51.391.000
18,1	Chi trả phụ cấp cán bộ hưu xã	45.006.000
18,2	Chi hoạt động+ tu sửa	6.385.000
18,3	Chi hỗ trợ nhà ở người có công	
18,4	Chi hỗ trợ người cách ly COVID 19	
19	Chi cơ sở thôn	69.169.000
19,1	Chi trả phụ cấp	49.169.000
19,2	Chi hoạt động khu dân cư	20.000.000
19,3	Chi các hoạt động + bầu trưởng thôn	
20	Chi công tác hội chữ thập đỏ	4.458.000
20,1	Chi trả phụ cấp	2.458.000
20,2	Chi hoạt động	2.000.000
21	Chi sự nghiệp nông nghiệp	44.724.000
21,1	Chi trả phụ cấp trưởng ban Thú y	8.924.000
21,2	Chi trả công	20.000.000
21,3	Chi các hoạt động	15.800.000
22	Chi sự nghiệp giao thông-Thủy lợi-Môi trường	34.500.000
22,1	Chi các hoạt động	8.000.000
22,1	Chi trả công	10.000.000
22,2	Chi tu sửa	16.500.000
23	Chi công tác Giám sát CD	8.000.000
23,1	Chi các hoạt động	8.000.000
24	Chi công tác thanh tra nhân dân	2.000.000
24,1	Chi các hoạt động	2.000.000
25	Chi công tác hội Cựu quân nhân	2.000.000
25,1	Chi hoạt động	2.000.000
26	Chi hoạt động chất độc hội đa cam	5.364.000
26,1	Chi lương, phụ cấp	5.364.000
26,2	Chi đại hội +hoạt động	
27	Chi sự nghiệp YT	12.000.000
27,1	Chi hoạt động	12.000.000
28	Chi sự nghiệp giáo dục	12.000.000
28,1	Chi hoạt động	12.000.000
29	Dự phòng	58.000
II	CHI ĐẦU TƯ CÔNG	8.317.654.870
1	Chi trả xây dựng đường giao thông	709.654.870
2	Chi trả xây dựng trường Tiểu học	1.000.000.000
3	Chi trả xây dựng trường Trung học	1.000.000.000
4	Chi trả xây dựng nâng tầng nhà làm việc UBND xã	1.000.000.000
5	Chi trả XD Hội trường UBND xã	500.000.000
6	Chi trả XD Trạm Y tế xã	300.000.000
7	Chi trả XD Bãi rác thải tập chung	100.000.000
8	Chi trả XD Công trình phụ trợ UBND xã	1.000.000.000
9	Chi trả XD lán xe thư viện trường Tiểu học	300.000.000

10	Chi trả XD công trình phụ trợ trường trung học	600.000.000
11	Chi tu sửa cải tạo nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Trung học	1.808.000.000

CÂN ĐỐI

A	TỔNG THU	10.353.036.870
I	Thu thường xuyên	1.836.725.953
II	Thu không thường xuyên	8.516.310.917
B	TỔNG CHI	10.353.036.870
I	Chi thường xuyên	2.035.382.000
II	Chi không thường xuyên	8.317.654.870
	Dư	-

NGƯỜI LẬP



Phạm văn Khương



Nguyễn Thế Thọ